

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 외국인근로자의 고용 등에 관한 법률 시행규칙 [별지 제13호서식] <개정 2024. 1. 10.>

■ Thông tư hướng dẫn Luật Tuyển dụng người lao động nước ngoài [Mẫu đính kèm số 13]

<Sửa đổi 2024. 1. 10.>



사업장 변경신청서

(약호: A522A)

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NƠI LÀM VIỆC

(MÃ: A522A)

※ EPS시스템(www.eps.go.kr)에서도 이용할 수 있습니다.

※ Có thể đăng ký trên hệ thống EPS (www.open.go.kr)

* 표시란은 적지 않습니다.

* Không điền vào phần được đánh dấu *

(앞쪽)

(Mặt trước)

*접수 *Tiếp nhận	접수연월일 Năm tháng ngày tiếp nhận	접수번호 Số tiếp nhận	처리부서 Bộ phận xử lý	처리기간 Thời gian xử lý	*선결 *Ưu tiên xử lý	청장(지청장) Giám đốc sở (Trưởng chi nhánh)	과장 Trưởng phòng	팀장 Trưởng nhóm	담당 Phụ trách
				15일 15 ngày					

※ []에는 해당되는 곳에 √ 표를 합니다.

※ Đánh dấu “√” vào [] tương ứng.

① 신청인 정보

① Thông tin của người đăng ký

성명(영어) Họ tên (tiếng Anh)	외국인등록번호(여권번호) Số đăng ký người nước ngoài (số hộ chiếu)
국적 Quốc tịch	
연락처 Số điện thoại	한국 내 거주지 주소 Địa chỉ cư trú ở Hàn Quốc 휴대전화번호(없을 경우 연락가능한 전화번호) Số di động (số điện thoại có thể liên lạc nếu không có)

② 사업장 변경신청 사유

② Lí do đăng ký thay đổi nơi làm việc

- [] 근로계약기간 만료 [] 근로계약 해지
[] Hết thời hạn hợp đồng lao động [] Chấm dứt hợp đồng lao động
- [] 휴업·폐업, 고용허가의 취소 또는 고용의 제한 등 고용노동부장관이 고시한 사유
[] Các lí do được Bộ trưởng Bộ Việc làm và Lao động thông báo như đình chỉ hoặc đóng cửa doanh nghiệp, hủy giấy phép lao động hoặc hạn chế tuyển dụng, v.v.
- [] 상해 등
[] Chấn thương, v.v.

3. 희망 취업조건

3. Điều kiện việc làm mong muốn

우선순위 Thứ tự ưu tiên	희망 업종(분류번호) Lĩnh vực mong muốn (số phân loại)	희망 직무내용(분류번호) Nội dung công việc mong muốn (số phân loại)
1		
2		
3		

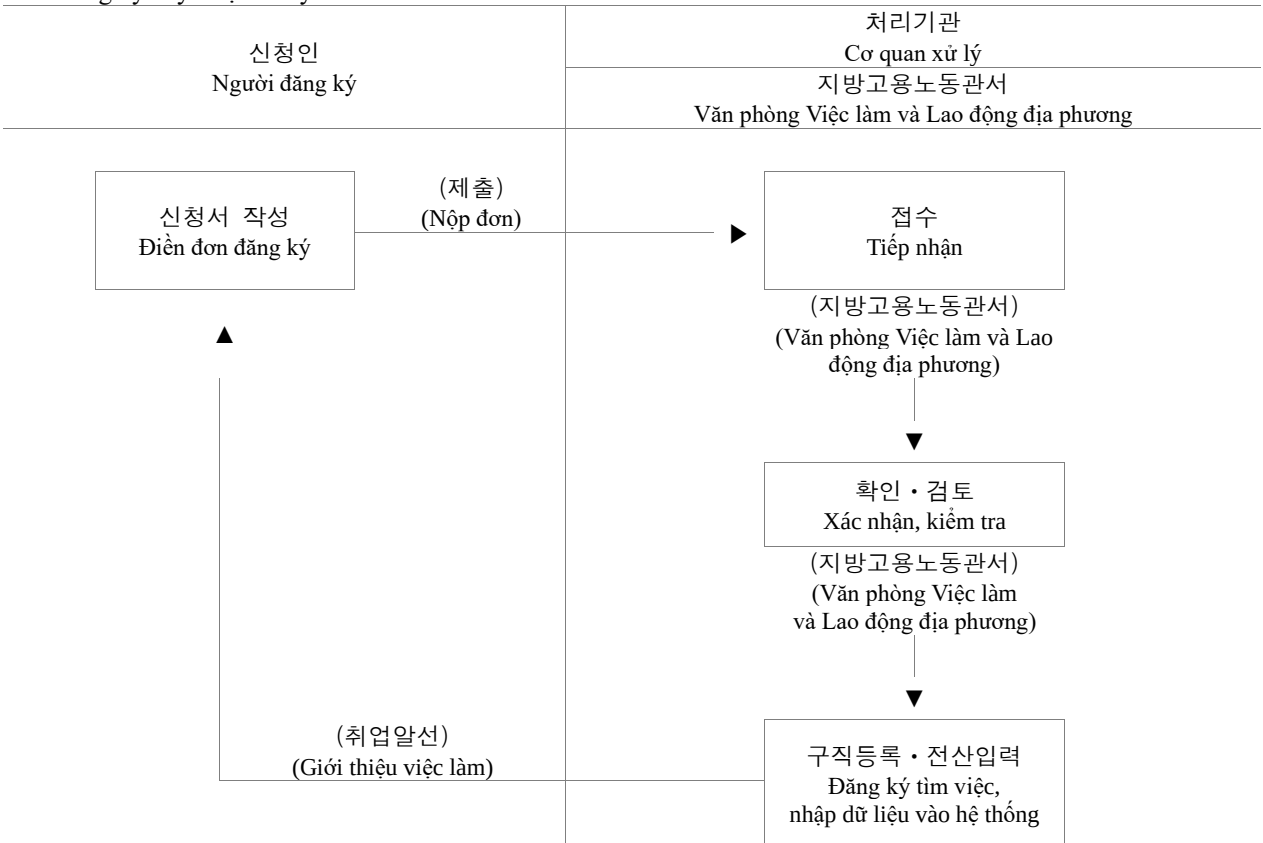
작성방법
Cách điền đơn

1. 사업장 변경 신청 시 여권 또는 외국인등록증을 제시해 주시기 바랍니다.
1. Khi đăng ký thay đổi nơi làm việc, vui lòng xuất trình hộ chiếu hoặc thẻ đăng ký người nước ngoài.
2. 사업장 변경 신청 후 사정 변경 등으로 신청내용을 취소하거나 변경하려는 경우에는 즉시 신청기관으로 통지해 주시기 바랍니다.
2. Sau khi đăng ký thay đổi nơi làm việc, nếu muốn hủy hoặc thay đổi nội dung đăng ký do hoàn cảnh thay đổi, vui lòng thông báo ngay cho cơ quan đăng ký.
3. 사업장 변경신청서상의 해당란이 본인의 구직사항과 관계없는 경우에는 적지 않아도 됩니다.
3. Nếu các mục trong đơn đăng ký thay đổi nơi làm việc không liên quan đến nội dung tìm kiếm việc làm của bản thân thì không cần phải điền.
4. 신청인 정보의 영어 성명은 여권 또는 외국인등록증에 적힌 것과 동일하게 적어야 합니다.
4. Tên tiếng Anh trong thông tin của người đăng ký phải điền chính xác như tên trên hộ chiếu hoặc thẻ đăng ký người nước ngoài.
5. 신청인 정보의 연락처는 취업알선 시 중요한 사항이므로 반드시 연락 가능한 휴대전화번호 또는 전화번호를 적기 바랍니다.
5. Số điện thoại của người đăng ký là nội dung quan trọng để giới thiệu việc làm, vì vậy phải điền số di động hoặc số điện thoại có thể liên lạc được.
6. 희망취업조건 of 희망업종(분류번호)은 지방고용노동관서에 갖추어져 있는 '표준산업분류표(KSIC)'를 참고해 해당 업종의 중분류(두 자릿수)를 적고 의문사항은 직원에게 문의하시기 바랍니다.
6. Đối với Lĩnh vực mong muốn (số phân loại) của Điều kiện việc làm mong muốn, vui lòng tham khảo “Bảng phân loại công nghiệp tiêu chuẩn (KSIC)” có sẵn tại Văn phòng Việc làm và Lao động địa phương, điền phân loại vừa (hai chữ số) của lĩnh vực tương ứng và hỏi nhân viên nếu có bất kỳ thắc mắc nào.
7. 희망취업조건 of 희망직무내용(분류번호)은 지방고용노동관서에 갖추어져 있는 '고용직업분류표(KECO)'를 참고하여 해당 직무의 소분류(세 자릿수)를 적고 의문사항은 직원에게 문의하시기 바랍니다.
7. Đối với Nội dung công việc mong muốn (số phân loại) của Điều kiện việc làm mong muốn, vui lòng tham khảo “Bảng phân loại nghề nghiệp việc làm (KECO)” có sẵn tại Văn phòng Việc làm và Lao động địa phương, điền phân loại nhỏ (ba chữ số) của lĩnh vực tương ứng và hỏi nhân viên nếu có bất kỳ thắc mắc nào.
8. 가입신청서 외 각종 양식은 지방고용노동관서에 갖추어져 있습니다.
8. Có nhiều mẫu đơn khác nhau ngoài đơn đăng ký thành viên có sẵn tại các văn phòng Việc làm và Lao động địa phương.

처리절차
Quy trình xử lý

이 신청서는 아래와 같이 처리됩니다.

Đơn đăng ký này được xử lý như sau.



(지방고용노동관서)
(Văn phòng Việc làm và Lao
động địa phương)